TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 829/2022/QĐST-HNGĐ	*NT, ngày 09 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1009/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Xuân H** – sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 1 xã H, huyện L, tỉnh T

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoàng T** – sinh năm 1993

Địa chỉ: 17/11 đường D, phường N, thành phố T

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trần Xuân H** và bà **Nguyễn Thị Hoàng T**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao con chung là Trần Hoàng Thảo N sinh ngày 22/10/2019 cho bà Nguyễn Thị Hoàng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Trần Xuân H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Đồng thời ông H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị Hoàng T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí : Ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị Hoàng T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí HNGĐ-ST, ông Trần Xuân H phải nộp 150.000đ án phí DS-ST (phần cấp dưỡng nuôi con) nhưng ông H tự nguyện nộp thay bà T nên ông H phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002423 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông Trần Xuân H đã nộp đủ án phí.

Quy định: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Xuân H không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- UBND xã H-huyện L-tỉnh T
(Giấy CNKHsố 03 ngày 28/01/2019);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

Đào Dương Thị Phương Dung